

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã nông thôn mới
kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025
theo lĩnh vực nổi trội nhất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 482/TTr-VPĐP ngày 31/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chí thôn thông minh.

Thôn thông minh là thôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang đạt từ 80% trở lên.
2. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh đạt từ 80% trở lên.
3. Thôn có ứng dụng các nền tảng số để thực hiện công tác thông tin, truyền truyền trong thôn.
4. Có ít nhất 01 mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào một trong các lĩnh vực: An ninh trật tự; an toàn giao thông; sản xuất - kinh doanh; y tế; giáo dục; nông nghiệp; du lịch; năng lượng, chiếu sáng; môi trường; phát triển kinh tế - xã hội; phát triển thương hiệu, thị trường; truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
5. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
6. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của thôn có tài khoản thanh toán điện tử đạt từ 80% trở lên.
7. Thôn có hệ thống camera giám sát an ninh được lắp đặt trên các tuyến đường trục thôn và các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn.
8. Điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn được lắp đặt wifi, máy tính kết nối Internet, hệ thống hội nghị trực tuyến (hoặc hội nghị truyền hình) kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến của xã.
9. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt từ 80% trở lên.
10. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh; cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thôn chấp nhận thanh toán điện tử đạt 100%.

Điều 2. Quy định tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất.

TT	Tên tiêu chí theo lĩnh vực nổi trội	Nội dung	
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ đường xã	Có rãnh thoát nước trong khu dân cư, vỉa hè, hệ thống biển chỉ dẫn, biển tên đường, biển báo hiệu, có sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc theo quy chuẩn hiện hành; có hệ thống đèn chiếu sáng, cây xanh tạo bóng mát đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 80% trở lên (100% tại khu dân cư, các nút giao, trước các cơ quan, đơn vị và tại trung tâm xã).

			Có hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông theo quy định tại các nút giao trung tâm xã đạt 100%.
	1.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản		Được bê tông hoá hoặc nhựa hoá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và đồng bộ, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m đạt 100%.
			Có rãnh thoát nước, hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo hiệu theo quy chuẩn hiện hành; có đèn chiếu sáng, cây xanh tạo bóng mát đạt từ 70% trở lên.
		1.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được bê tông hoá hoặc nhựa hoá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và đồng bộ, có chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m đạt 100%.	
		1.4. Vị trí ngã ba, ngã tư các tuyến đường giao thông được mở rộng theo quy định đảm bảo phương tiện tham gia giao thông được an toàn.	
		1.5. Không có vi phạm lòng đường, lề đường; không có biển quảng cáo, vật cản che khuất tầm nhìn giao thông.	
2	Chuyển đổi số	2.1. Tỷ lệ văn bản đến và văn bản đi của xã được xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có tính mật) đạt 100%.	
		2.2. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến đạt từ 80% trở lên.	
		2.3. Xã có hệ thống phòng họp trực tuyến kết nối đến 100% số thôn (Hệ thống của thôn có thể là hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị truyền hình).	
		2.4. Xã có sử dụng nền tảng số để chỉ đạo, điều hành từ cấp ủy và chính quyền xã đến 100% cán bộ thôn.	
		2.5. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của xã có điện thoại thông minh đạt từ 80% trở lên.	
		2.6. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của xã có tài khoản thanh toán điện tử đạt từ 80% trở lên.	
		2.7. Xã có hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	
		2.8. Xã có hệ thống camera giám sát an ninh trật tự kết nối đến 100% số thôn.	
		2.9. Tỷ lệ các cơ sở y tế, giáo dục, các đơn vị cung cấp các dịch vụ thiết yếu (điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, vệ sinh môi trường...) chấp nhận thanh toán điện tử đạt 100%.	

3	Văn hóa – Du lịch	3.1. Đạt ít nhất một trong các nội dung nổi trội về:	
		Cơ sở vật chất văn hóa	Có 100% cơ sở vật chất văn hóa cấp xã, cấp thôn (Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, bản) đạt trên mức chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch (về diện tích, số chỗ ngồi, trang thiết bị, cảnh quan); thiết chế văn hóa đảm bảo khang trang, hiện đại, thân thiện, thực sự nổi trội.
		Công tác bảo tồn, phát huy loại hình di sản văn hóa vật thể, phi vật thể	Công tác kiểm kê, khai thác, quảng bá, giới thiệu loại hình di sản của địa phương, công tác quản lý, khai thác phát huy giá trị di sản có nhiều kết quả nổi trội, được cơ quan quản lý đánh giá tốt; xây dựng được mô hình quản lý, phát huy, bảo tồn di sản văn hóa trên địa bàn.
		Du lịch	Xã có khu, điểm du lịch được công nhận; triển khai thực hiện việc quản lý, khai thác, phát triển khu, điểm du lịch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo các điều kiện đón và phục vụ khách du lịch; giữ gìn, phát triển tài nguyên du lịch, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự, an toàn cho du khách đảm bảo theo quy định; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong hoạt động du lịch tại địa bàn; có sự tham gia hiệu quả của cộng đồng dân cư vào các hoạt động du lịch.
		3.2. Đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:	
		Trung tâm văn hóa - Thể thao xã có bổ sung thêm trang thiết bị hoạt động; nguồn kinh phí bố trí cho duy trì hoạt động của Trung tâm văn hóa - Thể thao xã tăng 15-20% so với thời điểm đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.	
		Tối thiểu 70% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản đạt trên mức chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch (diện tích, số chỗ ngồi, trang thiết bị, cảnh quan); 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản được lắp đặt dụng cụ thể thao đơn giản phục vụ sinh hoạt cộng đồng.	
		Xã xây dựng được 01 mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, đặc trưng của địa phương, thu hút được trên 60% người dân tham gia. Thành lập được câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa thôn, bản đảm bảo duy trì sinh hoạt thường xuyên.	
		Tỉ lệ người dân đến sinh hoạt tại thiết chế cấp thôn đạt từ 45% trở lên	
		Di sản văn hóa trên địa bàn xã được giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử và trang báo của tỉnh. Tại thời điểm xét công nhận xã không để xảy ra các vụ khiếu kiện về di tích, vi phạm về công tác tu bổ tôn tạo di tích; không xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất trọng điểm; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; 100% thôn, bản có hương ước, quy ước.	
Tỷ lệ thôn, bản được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa 3 năm liên tục đạt từ 78% trở lên (trong đó tại năm xét công nhận đạt từ 80% trở lên).			

		Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt từ 78% trở lên (trong đó tại năm xét công nhận đạt từ 80% trở lên).
		Tỷ lệ thôn, bản được tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa đạt từ 25% trở lên.
		Tỷ lệ gia đình được tặng Giấy khen Gia đình văn hóa đạt từ 25% trở lên.
4	Y tế	4.1. Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
		4.2. Trạm y tế xã có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện thực hiện 100% gói dịch vụ y tế cơ bản theo quy định của Bộ Y tế; có danh mục thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phải đạt từ 90% trở lên theo quy định của Bộ Y tế; theo dõi, quản lý được trên 90% các bệnh không lây nhiễm phổ biến (Tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản) trên địa bàn xã.
		4.3. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe trên địa bàn; Trạm y tế xã có kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với tổ chức, đoàn thể có liên quan tại địa phương, có phong trào và định kỳ (ít nhất hàng tuần) tổ chức hoạt động vệ sinh môi trường hộ gia đình, đường làng, ngõ xóm, khu dân cư.
		4.4. Triển khai đa dạng các mô hình chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng.
5	Giáo dục và Đào tạo	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có nhiều hơn 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đạt 100%.
		5.2. Có nhiều hơn 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh.
		5.3. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, công nhận đạt chuẩn mức độ 2.
6	Sản xuất	6.1. Xã có hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, có sản phẩm OCOP được xếp hạng từ 4 sao trở lên gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.
		6.2. Xã có vùng sản xuất tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã, được truy xuất nguồn gốc và cấp mã vùng, được chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm Hữu cơ, VietGAP hoặc tương đương đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu.
7	Cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn	7.1. Xanh - Tỷ lệ km đường xã, đường thôn (bản), liên thôn (bản) được trồng cây bóng mát dọc bên đường (khuyến khích kết hợp trồng hoa) đạt trên 80%, các khu công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát.
		7.2. Sạch - Tỷ lệ km đường trục xã, trục thôn (bản), liên thôn (bản) được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý đạt trên 80%; công tác vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm được duy trì thường xuyên, kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khai thông dòng chảy, phát quang, kê bờ và xây dựng cảnh quan (không có hiện tượng tù đọng nước thải và rác thải dưới kênh mương thoát nước). Khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, xóm phải được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan và có nước sinh hoạt, nhà vệ sinh an toàn.

		7.3. Đẹp – Các tuyến đường ngõ, xóm được trồng hoa, cây cảnh, hàng rào được trồng bằng cây xanh hoặc xây dựng nhưng có phủ cây xanh đạt trên 70%. Ao, hồ, khu vực công cộng được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em.
		7.4. An toàn –Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân; hệ thống các ao, hồ trên địa bàn xã phải có lan can hoặc hàng rào bằng cây xanh, đảm bảo an toàn và mỹ quan.
8	An ninh trật tự	8.1. Trong 02 năm liên tục trước thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; không có người nghiện ma túy ở khu dân cư. Có 100% khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; liên tục phân loại “Xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an; có bằng khen hoặc giấy khen về thành tích công tác bảo đảm an ninh trật tự hoặc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
		8.2. Xã có ít nhất 02 mô hình tự quản về an ninh trật tự (ngoài mô hình camera) hoạt động thường xuyên, hiệu quả”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh căn cứ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và các quy định của pháp luật, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả thực hiện các nội dung quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu của các địa phương.

2. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn

2024-2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất; hướng dẫn của các sở, ngành để triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/7/2024 và thay thế Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- BCĐ TW các Chương trình MTQG (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh (2747-QĐ/TU, 2023);
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang